

Câu Chuyện Đóng Góp Của Nhà Kinh Tế

Phạm Đỗ Chí

Khi viết bài này, người viết tự hứa sẽ viết theo cả lý trí và con tim, ít dùng sách tham khảo hay trích dẫn cho bớt phần nặng nề, mặc dầu bài viết có thể mất phần sắc bén và giá trị lý luận có kém đi. Lý do chính là động cơ thuộc về tình cảm thúc đẩy tác giả đưa ra vài đề nghị về sự đóng góp thực tế của một nhà kinh tế cho hoàn cảnh đất nước hiện tại, trong một lãnh vực vốn dĩ khô khan.

Từ tuổi mới cắp sách đến trường, người Việt nam đã được dạy với niềm tự hào có lẽ mang theo suốt đời rằng chúng ta là “Con Rồng Cháu Tiên” và có hành trang “Bốn Ngàn Năm Văn Hiến” do ông cha để lại. Cho dù chỉ là huyền thoại về gốc gác nhưng cái ước mơ có tầm vóc cao rộng gạn lọc được từ lớp sương mù của "gia phả" huyền hoặc này, với dân ta đã ít nhiều trở thành thứ trang bị tinh thần mà mỗi khi cần khơi dậy niềm tự hào quốc gia hay mỗi tình tự dân tộc người ta thường viện cầu đến.

Bên hành trang tinh thần ấy, chúng ta có khối nhân lực mà năng lực và đức tính, chỉ cần đứng mức khách quan để có thể khẳng định, có khả năng đáp ứng được nhu cầu phát triển, thế nhưng dường như chúng ta đã bỏ lỡ đi cơ hội hiện thực hóa cái ước mơ kì vĩ của tổ tiên được gửi gắm qua huyền thoại mở nước. Nên thực tế là bước sang thế kỷ 21, khi hoàn cầu và nhân loại ngồi kiểm điểm thành tích của thế kỷ qua và sửa soạn bước vào thế kỷ mới— ngay cả thiên niên kỷ mới— chúng ta không thể không nhận ra chúng ta nằm trong vài chục nước nghèo đói nhất thế giới, tính theo tiêu chuẩn của các nhà kinh tế, với hành trang hiện có là chậm tiến và tụt hậu so với nhiều nước láng giềng.

Tất nhiên vẫn còn bao trang sử oai hùng và giải giang sơn gấm vóc để hãnh diện về tổ tiên và nòi giống, nhưng sự thật khách quan với những con số cho thấy chúng ta không đang là một “Con Rồng”, dù chỉ là một con rồng của Châu Á. Người viết do một thói thúc mãnh liệt từ cảm tính, đã mượn hình ảnh con Rồng (một biểu trưng cho ước vọng to lớn của tổ tiên về tiền đồ đất nước) thay cho một viễn ảnh phải đạt được sau quá trình phát triển, trong đó những đóng góp và đề nghị tâm huyết mà tác giả gửi gắm nơi đây--về một phương diện nào đó--có thể hình dung như một nỗ lực nằm trong nỗ lực chung góp phần vào việc hoạch định đường lối phát triển sau khi thoát khỏi sự trì trệ, một việc làm có ý nghĩa tương tự như cố gắng đánh thức và tạo điều kiện phục hồi cho CON RỒNG THỨC DẬY trong tâm thức chúng ta.

NHÀ KINH TẾ VIỆT LÀM ĐƯỢC GÌ ?

- Nhận ra như thế không phải để lấy thái độ thụ động, mà phải tạm gạt bên những to đĩm đó đã từ bao thế hệ truyền nối cho đến ngày nay về lịch sử của quốc gia dân tộc, để thẳng thắn nhận ra trách nhiệm trước mặt cho phần đời còn lại của mình và những

thế hệ sắp tới. Chúng ta sẽ tự bảo nhau quên đi danh xưng Con Rồng Cháu Tiên khi nào nước mình còn nghèo và tụt hậu so với các nước láng giềng châu Á, tạm lấy đó là một chỉ tiêu so sánh cho những tiến bộ phải đạt được trong tương lai.

- Khi phác họa tương lai phát triển dựa trên cái cảm tính có tính chất văn hóa, niềm tự hào của cả một dân tộc về một tương lai rực rỡ qua hình tượng dòng giống Tiên Rồng, người viết không có ý định nêu cao việc tiếp tục sử dụng cái gia tài tinh thần ấy như thứ bảo chứng duy nhất cho mọi kế hoạch hay chương trình phát triển. Cũng không xem cơ ngơi tinh thần ấy có khả năng thay thế được những đòi hỏi thực tiễn cần thiết cho sự tạo dựng thịnh vượng của xã hội, cho sự an lạc của người dân. Thay vào đó, mục tiêu trọng yếu của các kế hoạch và chương trình phát triển là cải thiện đời sống kinh tế xã hội cho một phần dân chúng còn sống dưới mức nghèo khó, xây dựng một xã hội ổn định và bình đẳng trong tinh thần pháp trị, và từ đó tạo điều kiện cho sự nảy nở trong tương quan xã hội một tinh thần nhân bản, nhằm phục hồi các giá trị con người đã xói mòn sau bao năm chiến tranh. Sau khi đã đạt được những mục tiêu này, có lẽ trong vài thế hệ tới, con cháu chúng ta sẽ có quyền tự hào lấy lại những danh xưng trên đây mà tổ tiên đã tạm chối bỏ trong vài chục năm, như một kích thích cho lòng tự hào dân tộc để bắt tay vào việc xây nhà dựng nước.
- Làm sao để bắt đầu thực hiện được giấc mơ này ở những ngày tháng đầu thế kỷ 21? Tất cả những người Việt nam dù ở bất cứ phương trời nào, do chọn lựa của riêng mình, đều có thể góp tay vào công cuộc chung đó bằng sự khiêm tốn nhẫn nại làm việc, bằng tài sức vật lực. Mỗi người trong lãnh vực hoạt động và chỗ đứng riêng biệt của mình có thể có các đóng góp riêng theo hoàn cảnh trong guồng máy vận hành rộng lớn của một quốc gia. Khi xã hội tiến bộ, nền kinh tế trở nên phồn vinh, quốc gia thành hùng mạnh, chúng ta sẽ cùng chia xẻ niềm tự hào.
- Vì đã quan niệm việc phát triển sẽ đòi hỏi sự đóng góp của vài thế hệ hiện tại và tương lai trước khi đạt được kết quả đáng kể, chỉ các thế hệ con em chúng ta mới được “ hái quả” hưởng trọn vẹn kết quả trồng trọt của chúng ta ngày hôm nay. Ngoài ra, thống kê cho biết một nửa dân số Việt Nam bây giờ gồm thế hệ thanh thiếu niên dưới 20 tuổi, là thế hệ lớn lên sau chiến tranh không mang nặng “ hành trang tâm lý” nặng nề như các thế hệ trước và có thể bắt tay xây dựng hiệu quả. Vì thế chúng tôi cũng quan niệm việc làm này không mang một ý nghĩa gì đặc biệt hơn là món quà cho thế hệ trẻ này, mong các em cũng sẽ tiếp nối cầm bó đuốc đang trong tay của thế hệ chúng tôi và các đàn anh đàn chị để đem vinh quang thịnh vượng dài lâu cho một “ Con Rồng Việt Nam” thực sự trong tương lai.
- Người viết bài này rút ra một vài ý nghĩ từ kinh nghiệm cá nhân sau nhiều năm làm việc tại một số quốc gia Á Phi. Đặc biệt trong vài năm, người viết đã làm Đại Diện Thường Trú của một tổ chức tài chính quốc tế tại Togo, một nước nhỏ ở Trung Phi. Trong tư cách đó, người viết cũng tự nhiên trở thành cố vấn kinh tế của chính phủ bản xứ và có nhiều dịp đàm đạo hay trình bày chính sách kinh tế cho vị nguyên thủ quốc gia hay các vị bộ trưởng hữu quan. Những lần tiếp xúc đầu, người viết ngỡ ngàng chợt nhận ra là một nhà kinh tế chuyên môn chưa được trang bị đầy đủ để trình bày các vấn đề kinh tế vĩ mô phức tạp bằng một ngôn ngữ giản dị để thuyết phục được nhà chính trị vốn là một tướng quân sự. Trong thời gian kế tiếp, công việc của người viết chỉ hiệu quả hơn sau khi biết trình bày các vấn đề một cách đơn giản và nhất là học

hỏi được một vài yếu tố đặc thù điều kiện hóa nền kinh tế địa phương. Quan trọng nhất là chuyện đợi những cơn mưa của xứ nghèo này như người viết còn nhớ rõ dưới đây.

- Những giọt mưa Phi Châu không mang tính lãng mạn gây cảm hứng cho các văn thi sĩ. Mưa ở đây là phép lạ của thượng đế cho sự sinh tồn, cho miếng ăn hàng ngày của đa số đám người lam lũ trồng ngô, sắn, cho những vườn cà phê hay ca-cao cố đạt năng suất tối thiểu, vì là nguồn sinh lợi xuất khẩu duy nhất của nhiều nước Châu Phi. Lượng mưa hàng năm là yếu tố chính cho sản lượng nông nghiệp, quyết định sự thành công hay thất bại của những chính sách kinh tế khôn ngoan đề ra trong các tập tài liệu hoạch định phát triển. Người viết và một số bạn đồng nghiệp đại diện các tổ chức quốc tế ở Togo thường hay họp nhau để bàn về các biện pháp kinh tế tài chính nhằm “cố vấn” cho giới hữu trách. Ban đầu vài anh chuyên viên trẻ với mớ kiến thức đầy cộm chưa kịp “tiêu hóa” từ các trường đại học Âu Mỹ rất hung hăng với các lý thuyết cao xa thường được áp dụng trong các nước công nghệ tiên tiến, nhất định đem ra đề nghị áp dụng với chính phủ nước chủ nhà. Các viên chức chính phủ thường trợn mắt ngạc nhiên hoặc phản đối nếu thấy mức đề nghị của các “cố vấn” đi quá đà đạt thành điều kiện vô lý cho viện trợ hay thỏa ước cho vay vốn.
- Nhưng chỉ sau một năm, chúng tôi đều học chung bài học là mặc dù một số biện pháp thuế khóa tài chính có thể ích lợi về vài phương diện tùy theo điều kiện phát triển, song yếu tố chính của mức tăng trưởng tổng sản lượng hàng năm vẫn là các điều kiện thiên nhiên, nói giản dị là mực nước mưa hàng năm. Với kinh nghiệm mới học, chúng tôi sau đó mong mỗi chờ đợi các cơn mưa đến sớm và đều đặn để biết ẩn số lớn nhất của kinh tế sở tại hàng năm. Trong những năm có mưa nhiều ở Togo và dân chúng đây đủ lương thực, người viết nhớ lại những ngày ngồi nhìn mưa lê thê trong bầu trời Lomé (thủ đô Togo) và nhớ xót xa khung trời quê hương lúc đó đang có tin mất mùa và nhiều vùng thiếu gạo ăn. Lúc đó, người viết chợt mong những giọt mưa thân yêu của trời Phi tạm dừng để đưa những đám mây đen của xứ người về bên kia vòng địa cầu, gặp lạnh tỏa xuống thành những cơn mưa lớn cho các bờ ruộng cần cỗi nào đó của quê nhà, ở những nơi mà sự thiếu ăn chỉ hoàn toàn vì chờ mưa! Từ việc cầu đảo một cơn mưa chợt hình thành ý nghĩ được về lại khung trời á một ngày nào đó để làm việc.
- “Cơn mưa trở về” đó, một phần, thành sự thật hai năm sau lúc người viết lại được cử làm Đại Diện Thường Trú của cùng tổ chức tại Lào, cũng lại một nước nhỏ khác nhưng mang ý nghĩa đặc biệt với tác giả vì nằm sát cạnh Việt Nam và mang thách đố là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên muốn có văn phòng đại diện của các cơ quan tài chính quốc tế để trợ giúp việc chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Như cơn hạn gặp mưa, hành trang của người viết đầy ắp lý tưởng phục vụ và kiến thức thu thập từ nhiều nước đã từng làm việc. Tuy nhiên, sự thách đố công việc lại càng lớn hơn khi người điều khiển chiến lược phát triển lại chính là Ông Tổng Bí Thư Đảng kiêm Chủ tịch nước Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào. Vị này đã lưu tâm đến cả chi tiết của các chính sách kinh tế vĩ mô quan trọng, mời người viết đến phòng làm việc riêng ở tư gia để bàn bạc và nhất là “chất vấn” tác giả, có buổi kéo dài nhiều giờ, về các biện pháp được đề nghị, các căn bản lý thuyết của những chính sách đó, ngay cả vài khái niệm cơ bản về kinh tế học.

- Đó là kinh nghiệm hãn hữu trong đời người viết, chọn những đề tài kinh tế vĩ mô thích hợp, dùng thí dụ và cách trình bày đơn giản như cùng kinh nghiệm ở Togo, để người đối thoại dễ theo dõi. Sự thông cảm có được giữa vị nguyên thủ một nước theo xã hội chủ nghĩa vừa quyết định mở cửa theo kinh tế thị trường và người đại diện một tổ chức tài chính quốc tế, lại đậm đà thêm nhờ những lần gặp gỡ này được trao đổi bằng tiếng Việt (vì vị nguyên thủ xứ Lào đã từng sống và đi học ở Việt Nam). Điều này đã là lý do then chốt cho việc Lào áp dụng nhiều chính sách kinh tế tài chính hiệu quả và đạt được độ tăng trưởng và sự ổn định vĩ mô khả quan trong các năm đó (1991-94). Người viết cũng học được bài học quý giá nhất trong giai đoạn bốn năm đó tại nhiệm sở Lào là các chính sách dù hay đẹp trên lý thuyết đến đâu muốn được áp dụng thành công phải có tính cách thuyết phục với các giới chức cao cấp và được cấp lãnh đạo quyết tâm thực hiện.
- Người viết đã xin mạn phép dài dòng như trên về các kinh nghiệm làm việc cá nhân ở hai nước nhỏ Togo và Lào để nhấn mạnh ba bài học rút ra từ đó:
 - Nhà kinh tế làm việc về chính sách cần nắm vững các yếu tố đặc biệt của nước nơi mình muốn áp dụng, nhất là về bối cảnh chính trị và xã hội.
 - Cần trình bày các chính sách một cách đơn giản để hiểu cho giới lãnh đạo và các nhà làm chính sách vì họ không phải là chuyên viên.
 - Để chính sách được thành công, phải có quyết tâm áp dụng của giới lãnh đạo chính trị.

LÀM THẾ NÀO: MỘT VÀI ĐỀ XUẤT CĂN BẢN ?

- **Nhận định tổng quát rằng bối cảnh kinh tế Việt Nam vẫn đang ở trong tình trạng phân vân lựa chọn hướng đi.** Sau khi chấp nhận thực hiện “Đổi Mới” một cách cương quyết từ năm 1989 và quyết định theo hướng kinh tế thị trường, Việt Nam đã đạt được nhiều tiến bộ khả quan về mặt kinh tế trong các năm 1992-97 với độ tăng trưởng khá cao so với các nước trong vùng và ổn định về tài chính. Đầu tư nước ngoài đã vào ồ ạt trong vài năm với hy vọng có chỗ đứng trong thị trường mới mở cửa của một “con rồng” tương lai của châu á. Đời sống dân chúng nói chung được cải thiện, nhất là ở thành thị. Những cơ chế căn bản về luật pháp và ngân hàng của một nền kinh tế thị trường bắt đầu thành hình. Nhưng từ cuối năm 1997, các tiến bộ này bị chững lại, phần do ảnh hưởng của cơn khủng hoảng tài chính các nước láng giềng Đông á, nhưng phần chính là lý do nội tại lưỡng lự trong các chính sách thay đổi cơ cấu, nhất là sự nhùng nhằng giữa đường hướng thị trường thật sự và chính sách hoạch định tập trung cũ. Điển hình là vẫn dành ưu tiên cho khu doanh nghiệp nhà nước, bỏ qua ưu thế về hiệu quả của khu vực ngoài quốc doanh và “sức sống” của các xí nghiệp tư cũng như khả năng của các doanh gia tư nhân đã được chứng minh hùng hồn trong thập kỷ qua.
- **Tựu chung vẫn do các khó khăn lý thuyết để theo đuổi mạnh mẽ kinh tế thị trường.** Từ đó không thể cho khu vực tư được phát triển toàn bộ, không áp dụng mạnh mẽ các dự thảo luật thay đổi cơ cấu đã có sẵn, khó đơn giản hóa các thủ tục

hành chính gây nạn tham nhũng trầm trọng và làm nản lòng giới đầu tư nước ngoài vốn sốt ruột vì có thời hạn nhất định để thực hiện lợi nhuận do công ty mẹ qui định. Trong hai năm 1998-99 sự sốt ruột này của các doanh nhân nước ngoài đã được thấy rõ khi họ lũ lượt đóng cửa rút khỏi Việt Nam. Ảnh hưởng của việc này lan rộng vì các nhà đầu tư mới ngại đến và không khí làm ăn trong nước xuống thấp thấy rõ. Muốn đầu tư nước ngoài trở lại, phải áp dụng ngay các biện pháp gây sốc, thí dụ như việc giảm tối đa các thủ tục cho phép rườm rà xuống còn thủ tục đăng ký như mới đây cho đầu tư trong nước và bỏ bớt các biện pháp kiểm soát gây khó dễ.

- **Cắt giảm khu vực quốc doanh và đẩy mạnh phát triển khu vực tư nhân là quyết định cốt lõi nhưng thực sự vượt tầm mức của các chuyên gia kinh tế.** Các mâu thuẫn nội tại giữa kinh tế thị trường và chủ nghĩa tập trung đã làm tổn rất nhiều giấy mực trong các bàn cãi lý thuyết ở trong và ngoài nước, và do chọn lựa cũng không nằm trong phạm vi thảo luận chính của bài này. Thay vào đó, chúng tôi đặt câu hỏi làm sao có được các chính sách khả thi và hữu ích gần như tốt nhất (second best policy) thay vì tối ưu (optimal policy) để thực hiện vài mục tiêu căn bản bảo đảm và cải thiện “**an sinh xã hội**” và đặt “**căn bản pháp lý**” cần thiết cho một xã hội dân sinh tiến bộ.
- **Hướng về nền kinh tế thị trường với mục tiêu an sinh xã hội trên căn bản pháp trị.** Dựa trên khẳng định của Việt Nam được phổ biến rộng rãi trên báo chí là cơ chế thị trường trong chính sách “**Đổi Mới**” là không thể đảo ngược được, bài này nhấn mạnh việc tiếp tục thảo luận rộng rãi các chính sách áp dụng để hoàn thiện cơ chế này. Trình bày giản dị và tóm tắt, cơ chế thị trường nhắm vào việc phân bổ các tài nguyên một cách hiệu quả nhất dựa trên luật cung cầu và cạnh tranh đa phương. Nhưng trong bất cứ xã hội tư bản tiên tiến nào cũng cần các chính sách bổ sung để tái phân phối thu nhập. Với mức chênh lệch thu nhập đầu người càng ngày càng lên cao không thể tránh được, như giữa thành thị và nông thôn, và nhất là khi số đông dân chúng còn đang sống dưới mức nghèo khó, việc thực hiện một “**mạng lưới an sinh xã hội**” là điều cấp bách, mặc dù có sẵn một số bảo đảm tương trợ đùm bọc trong hệ thống đại gia đình ở Việt Nam, và không có gì là trái với kinh tế thị trường. Ngoài ra các chính sách của nền kinh tế thị trường tự do chỉ có thể thực hiện được trên tinh thần pháp trị trong đó căn bản là xây dựng các cơ cấu định chế pháp lý để bảo vệ quyền sinh sống và làm ăn kinh tế của người tiêu dùng, người đầu tư, hay người dân nói chung. Nhà kinh tế nổi tiếng của các quốc gia có kinh tế kế hoạch ngày trước, Janós Kornai, đã cũng đi tiên phong nhận ra sức mạnh của kinh tế thị trường và đưa ra các đề nghị thay đổi chính sách kinh tế hoàn toàn cho Hungary để áp dụng kinh tế thị trường, trong đó nhấn mạnh tính cách bất khả yếu (*sine qua non*) của một chế độ pháp trị.¹ Yếu tố căn bản nhất là thừa nhận và áp dụng quyền tư hữu bằng định chế pháp lý chứ không phải chỉ coi đó là một món quà do chính phủ ban cho người dân trong vài trường hợp cá biệt.
- **Cần định nghĩa một chiến lược phát triển kinh tế mới với những đặc trưng của Việt Nam.** Nhiều tác giả đã nhận định về khoảng cách tụt hậu của Việt Nam khoảng

¹ Janós Kornai, trong sách “**The Road To A Free Economy: Shifting From A Socialist System — The Example of Hungary**”, W.W. Norton, 1990.

20-25 năm so với nước láng giềng Thái Lan. Điều này rất quan trọng cho Việt Nam trong vấn đề hoạch định tương lai và đòi hỏi cố gắng phi thường, vì dù đuổi kịp được kết quả tăng trưởng hàng năm khá nhanh của Thái Lan (7-10% mỗi năm) vẫn chỉ đủ giúp xứ ta giữ nguyên khoảng cách tụt hậu đó, đừng nói gì là rút ngắn! Nhìn thêm sang Trung Quốc, VN cũng khó theo họ với độ tăng trưởng hàng năm! Với thực trạng đó, VN nên làm gì? Có lẽ VN phải thay đổi chiến lược phát triển nhanh chỉ chú ý vào phần lượng, thay vào đó cố đạt được một mức tăng trưởng chậm hơn nhưng bền vững với phẩm chất qua sự phân phối thu nhập công bằng hơn, một môi sinh lành mạnh hơn, và một mạng lưới an sinh xã hội tốt đẹp hơn Thái Lan và Trung Quốc, qua những biện pháp chính sách cần được thảo luận đầy đủ hơn theo hướng đi mới này như tóm tắt ở trên. Nói chung đó sẽ là một chiến lược phát triển kinh tế với những đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Khi nào VN có thể thực hiện các mục tiêu đó? Câu trả lời tùy thuộc vào khi nào có sự đồng thuận xã hội để nhắm vào việc thực hiện chiến lược tăng trưởng mới này. Nếu có ý chí thì sẽ thành công. Lịch sử Việt Nam đã chứng minh rõ ràng điều này.

- **Để kết luận, tương lai phát triển kinh tế Việt Nam sẽ tùy thuộc phần lớn vào “TẮM LÒNG”.** Có tấm lòng, những người lãnh đạo có trách nhiệm và quyền quyết định về tương lai kinh tế Việt Nam sẽ áp dụng những chính sách sáng suốt, thí dụ sẽ dùng ngòi bút lân nhữ để “cởi trói” thêm nền kinh tế như đã làm trước đây lúc dùng ngòi bút để tự do hóa giá gạo, biến Việt Nam đang từ một nước thiếu gạo ăn thành nước xuất khẩu gạo thứ nhì trên thế giới. Có tấm lòng, người dân sẽ tích cực đóng góp vào công cuộc đó vì phúc lợi cá nhân, gia đình, và sau đến xã hội. Toàn thể chúng ta, với tư cách người dân Việt, hy vọng sẽ nô nức tham dự và cùng tận hưởng vận hội mới của quốc gia dân tộc ở thế kỷ 21, bắt đầu cho một thiên niên kỷ mới trong lịch sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Kornai, Janós. 1990. “The Road To A Free Economy: Shifting From A Socialist System — The Example of Hungary” , W.W. Norton.